

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-5-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp quyền
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Nguyên

Ông Nguyễn Tiến Nam

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2199/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: 1 T, phường P, quận T, thành phố H. Địa chỉ liên lạc: B L, phường X, quận T, thành phố H, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: 1 T, phường P, quận T, thành phố H. Hiện đang lao động tại Đài Loan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương trình B:

Bà và ông Nguyễn Văn H quen biết, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là quận T, thành phố H) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/10/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại nhà riêng của hai vợ chồng tại 1 T, phường P, quận T, thành phố H. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hoà hợp với nhau. Sau đó, ông H đi lao động tại Đài Loan từ đầu năm 2024. Từ khi ông H đi, bà và ông H chỉ liên lạc với nhau thời gian đầu, sau đó cũng không thường xuyên liên lạc với nhau, vợ chồng không có điều kiện gần gũi, quan tâm chăm sóc nhau nên tình cảm phai nhạt. Hiện nay tình cảm vợ

chồng giữa bà và ông H không còn, nên bà đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là các cháu Nguyễn Văn Anh Đ, sinh ngày 26/6/2012; cháu Nguyễn Thị Khánh H1, sinh ngày 16/8/2015, hiện nay cả 02 cháu đang sống cùng bà P, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H:

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố H và xác định ông Nguyễn Văn H xuất cảnh từ năm 2024 và chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Tại Biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn T, sinh năm 1964 là bố ruột của ông Nguyễn Văn H trình bày: *Hiện nay ông H đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, thỉnh thoảng có liên lạc với ông qua điện thoại nhưng ông không rõ địa chỉ cụ thể của ông H ở Đài Loan nên ông không thể cung cấp cho Tòa án được. Việc ly hôn của vợ chồng bà P và ông H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với yêu cầu của Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho ông H thì ông Nguyễn T đã nhận và cam kết sẽ thông báo, giao lại cho ông Nguyễn Văn H.*

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bị đơn theo đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2025.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 56, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc H2 có nơi thường trú tại 1 T, phường P, quận T, thành phố H, hiện đang làm việc tại Đài Loan. Tòa án đã nhiều lần làm việc với gia đình của ông H2 là ông Nguyễn T (là bố ruột của ông H2) và khẳng định vẫn có liên hệ với ông H2 nhưng không cung cấp địa chỉ, tin tức của ông H2 cho Tòa án.

Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà người thân của ông H2 cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của ông H2 cho Tòa án cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho ông H2 biết. Do đó, Tòa

án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H2 theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 20/10/2011 (nay là quận T, thành phố H). Điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau một thời gian, sau đó ông H sang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan cho đến nay. Vợ chồng ở xa nhau nên thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông H. Đối với bị đơn, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, các công văn yêu cầu ông H trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà P cho ông Nguyễn T (là bố ruột của ông H). Nhưng quá trình giải quyết vụ án, ông H không trả lời và được coi như đã từ chối khai báo trước Tòa và không quan tâm đến hạnh phúc của gia đình mình.

Xét thấy: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà P và ông H đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Phương ly H3 với ông Nguyễn Văn H.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn H có 02 con chung là các cháu Nguyễn Văn Anh Đ, sinh ngày 26/6/2012; cháu Nguyễn Thị Khánh H1, sinh ngày 16/8/2015. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 24/3/2025, cháu Nguyễn Văn Anh Đ và cháu Nguyễn Thị Khánh H1 đều có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị P. Ông H hiện nay ở Đài Loan không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà P để giao cháu Nguyễn Văn Anh Đ và cháu Nguyễn Thị Khánh H1 cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Đ và cháu H1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị P không yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị P không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 470, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83; khoản 2 Điều 123; Điều 127; Điều 129 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Văn Anh Đ, sinh ngày 26/6/2012 và cháu Nguyễn Thị Khánh H1, sinh ngày 16/8/2015 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Đ, cháu H1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu nên không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị P không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: 0000036 ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Bà Nguyễn Thị P đã nộp đủ.

Bà Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Huế;
- Cục THADS thành phố Huế;
- UBND phường Phước Vĩnh, quận Thuận Hoá;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa DS; HCTP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Cao Sơn